

UBND HUYỆN GIA LÂM
TRƯỜNG MẦM NON ĐÔNG DƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 271/QĐ-MNDD

Đông Dư, ngày 16 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai điều chỉnh dự toán chi thường xuyên
Do thành lập 02 trường mới năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON ĐÔNG DƯ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Gia Lâm về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi NSNN năm 2024 của huyện Gia Lâm;

Căn cứ Quyết định số 5858/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2024 của UBND huyện Gia Lâm về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện năm 2024.

Theo đề nghị của bộ phận Văn phòng Trường mầm non Đông Dư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi thường xuyên do thành lập 02 trường mới năm 2024 của Trường mầm non Đông Dư (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận Văn phòng, các tổ chuyên môn, cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường mầm non Đông Dư thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Ban TTND;
- Lưu: VT,KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Anh

Đơn vị: Trường Mầm non Đông Dư
Chương: 622

**ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
DO THÀNH LẬP 2 TRƯỜNG MỚI NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 214/QĐ-MNDD ngày 16/11/2024 của trường Mầm non Đông Dư)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Học phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
I	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5,376,216,000
I	Nguồn ngân sách trong nước	5,376,216,000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5,376,216,000
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5,450,608,000
3.2	Điều chỉnh giảm kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	(74,392,000)
3.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

Đông Dư, ngày 16 tháng 11 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

TRƯỜNG
MẦM NON
ĐÔNG DƯ
Nguyễn Thị Phương Anh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5858 /QĐ-UBND

Gia Lâm, ngày 11 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên
ngân sách huyện năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt kinh phí tinh giản biên chế đối với công chức, viên chức, cán bộ, công chức cấp xã thuộc Thành phố Hà Nội đợt 4 năm 2023;

Căn cứ Công văn số 4408/STC-QLNS ngày 25/7/2024 của Sở Tài chính về việc điều hòa, điều chỉnh dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 5399/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Gia Lâm về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của huyện Gia Lâm và các Quyết định điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên trong năm 2024;

Căn cứ các Công văn của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Gia Lâm số: 88/HĐND-KTXH ngày 31/10/2024 và 89/HĐND-KTXH ngày 31/10/2024;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Gia Lâm tại các Tờ trình: số 77/TTr-TCKH ngày 14/10/2024 và số 88/TTr-TCKH ngày 06/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp huyện năm 2024 cho các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn. (Chi tiết Phụ lục kèm theo)

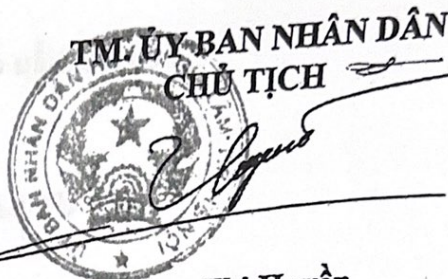
Điều 2. Đơn vị được điều chỉnh, bổ sung có trách nhiệm tập trung triển khai thực hiện, giải ngân kinh phí trong năm 2024 đảm bảo đúng mục đích, đúng chế độ, đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, không để huy dự toán lớn và thực hiện thanh quyết toán theo Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

7/2

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh văn phòng HĐND - UBND Huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gia Lâm, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại điều 1 và Trưởng các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /*2/2/2012*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT HU - TT HĐND - UBND huyện;
- Lưu: VT (130).



Đặng Thị Huyền

PHỤ LỤC SỐ 03
ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYÊN NĂM 2024 DO THÀNH LẬP 02 TRƯỜNG MỚI
VÀ ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NSNN ĐẶT HÀNG DỊCH VỤ GIÁO DỤC NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng											
STT	TÊN ĐƠN VỊ	Dự toán đã giao năm 2024	Điều chỉnh dự toán giao đầu năm 2024 tại Quyết định số 5399/QĐ-VUBND ngày 20/12/2023				Dự toán giao sau điều chỉnh năm 2024	Trong đó			
			Trong đó		Dự toán để nghị điều chỉnh bổ sung năm 2024	Dự toán để điều chỉnh bổ sung dự toán 4 tháng cuối năm 2024 (KH I năm học 2024-2025)		8 tháng đầu năm 2024 (Năm học 2023-2024)	4 tháng cuối năm 2024 (KH I năm học 2024-2025)		
			8 tháng đầu năm 2024 (Năm học 2023-2024)	4 tháng cuối năm 2024 (KH I năm học 2024-2025)							
A	B	I=2+3	2	3	4	5	6	7	8=1+4+6	9=2	10=3+5+7
	Tổng cộng	250 678 080 000	37 704 354 000	14 001 563 000	3 452 055 000	1 509 178 000	3 452 055 000	2 501 602 000	250 678 080 000	37 704 354 000	14 993 987 000
I	Kinh phí NSNN đặt hàng	51 705 917 000	37 704 354 000	14 001 563 000	1 509 178 000	1 509 178 000	2 501 602 000	2 501 602 000	52 698 341 000	37 704 354 000	14 993 987 000
1	Trường TH Đặng Xá	6 548 000 000	4 817 330 000	1 730 670 000			291 866 000	291 866 000	6 839 866 000	4 817 330 000	2 022 536 000
2	Trường TH Cao Bá Quát	12 319 000 000	9 543 229 000	2 775 771 000			1 168 492 000	1 168 492 000	13 487 492 000	9 543 229 000	3 944 263 000
3	Trường THCS TT Trần Quý	12 629 239 000	9 562 898 000	3 066 341 000			861 732 000	861 732 000	13 490 971 000	9 562 898 000	3 928 073 000
4	Trường THCS Văn Đức	5 366 166 000	3 894 773 000	1 471 393 000			179 512 000	179 512 000	5 545 678 000	3 894 773 000	1 650 905 000
5	Trường MN Đa Tồn	8 866 051 000	6 007 115 000	2 858 936 000	1 183 965 000	1 183 965 000			7 682 086 000	6 007 115 000	1 674 971 000
6	Trường MN Dương Hà	5 977 461 000	3 879 009 000	2 098 452 000	325 213 000	325 213 000			5 652 248 000	3 879 009 000	1 773 239 000
II	Kinh phí chi thường xuyên	198 972 163 000			1 942 877 000	=	950 453 000		197 979 739 000		
1	Trường MN Bát Trạng	6 865 267 000			84 418 000				6 780 849 000		
2	Trường MN Cổ Bi	7 248 467 000			24 797 000				7 223 670 000		
3	Trường MN Đặng Xá	7 665 699 000			30 362 000				7 635 337 000		
4	Trường MN Đình Xuyên	7 112 745 000			15 181 000				7 097 564 000		
5	Trường MN Đông Dư	5 569 612 000			74 392 000				5 495 220 000		
6	Trường MN Hòa Phương	5 157 863 000			24 797 000				5 133 066 000		
7	Trường MN Kiên Ky	7 060 187 000			196 741 000				6 863 446 000		
8	Trường MN Kim Lan	5 595 007 000			102 095 000				5 492 912 000		
9	Trường MN Quang Trung	4 623 916 000			62 599 000				4 561 317 000		
10	Trường MN Trung Mậu	5 075 339 000			24 797 000				5 050 542 000		
11	Trường MN Văn Đức	6 499 557 000			74 392 000				6 425 165 000		
12	Trường MN Yên Thường	6 919 422 000			49 595 000				6 869 827 000		
13	Trường MN Anh Sao	6 736 579 000			24 797 000				6 711 782 000		
14	Trường MN Dương Quang	8 829 147 000			20 021 000				8 809 126 000		
15	Trường MN Tiểu Quý	6 988 091 000			20 407 000				6 967 684 000		
16	Trường MN Sao Khuê	4 266 879 000					625 245 000		4 892 124 000		
17	Trường TH Đại Hưng	2 000 000 000					325 208 000		2 325 208 000		
18	Trường TH Đa Tồn	8 544 567 000			731 361 000				7 813 206 000		